

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01-XD/TĐ2/2025 mua xăng E5 RON 92-II, Dầu Diesel 0.05S của Tiểu đoàn bộ/Tiểu đoàn 2.
- Cơ quan chủ đầu tư: Tiểu đoàn 2/Cục Kỹ thuật quân, binh chủng/ TCHC-KT.
- Địa điểm thực hiện: Thôn Cổ Rùa/Xã Phú Cát/Thành phố Hà Nội.
- Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, LCNT qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025.
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Hình thức hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Nhà thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, ký mã hiệu, khối lượng hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.
- Hàng hóa nguyên đai, nguyên kiện, sản xuất mới nhất với đầy đủ thông số kỹ thuật, xuất xứ, thương hiệu, mã hiệu, nhãn mác, hãng sản xuất, thời gian bảo hành về chất lượng hàng hoá phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật tại chương này.
- Thời gian bảo hành hàng hóa ≥ 12 tháng tính từ thời điểm hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu phải cam kết bằng văn bản cung cấp các hồ sơ sau đây để phục vụ giám định chất lượng hàng hoá.
 - + Chứng nhận xuất xứ (CO); chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc chứng chỉ phù hợp (CC) đối với trường hợp hàng hoá nhập khẩu.
 - + Chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hoá sản xuất trong nước.
 - + Tiêu chuẩn sản phẩm, tài liệu kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và các tài liệu khác có liên quan.
- Nhà thầu phải cung cấp phiếu chất lượng sản phẩm do Phòng thí nghiệm có chứng chỉ VILAS xác nhận đối với hàng hóa chào thầu theo từng đợt giao hàng.
- Ngoại quan nhìn trong suốt, không có nước tự do và tạp chất trong nhiên liệu.

b. Yêu cầu cụ thể:

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Xăng E5 RON 92-II,	E5 RON 92 Trị số ố tan theo phương pháp nghiên cứu (RON) ≥ 92 Hàm lượng chì, g/L $\leq 0,013$; ăn mòn mảnh đồng ở 50°C/3h, Max loại; hàm lượng thực tế (đã rửa dung môi), mg/100ml ≤ 5 ; độ ổn định oixy hóa, phút ≥ 480 ; hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg ≤ 500 ; áp suất hơi(Reid) ở 37,8°C, kPa 43-80, hàm lượng Benzen, % thể tích $\leq 2,5$; hàm lượng kim loại(Fe, Mn) mg/L ≤ 5 ; Hydrocacbon thơm, % thể tích ≤ 40 ; hàm lượng olefin, % thể tích ≤ 38 ; hoàn lượng oxy, % khối lượng $\leq 3,7$ Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/m ³ Sản xuất năm 2025 Bảo hành 12 tháng
2	Dầu DO 0,05S-II	D0 0,05 Chỉ số xêtan ≥ 46 Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg ≤ 500 Sản xuất năm 2025 Bảo hành 12 tháng

1.3. Các yêu cầu khác

Đối với Xăng E5 RON 92-II đạt theo TCVN 8063:2024

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Phương pháp thử	Mức/ Yêu cầu
1	Trị số ố tan theo phương pháp nghiên cứu (RON)	TCVN 2703 ASTM D2699	≥ 92
2	Hàm lượng chì, g/L	TCVN7143 ASTM D3237	$\leq 0,013$
3	Thành phần cất, °C: - Điểm sôi đầu, °C - 10% thể tích, °C - 50% thể tích, °C - 90% thể tích, °C - Điểm sôi cuối, °C	TCVN2698 ASTM D86	Báo cáo ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 215 $\leq 2,0$

	- Cặn cuối, % thể tích		
4	Ăn mòn mảnh đồng ở 50 °C/3h, max	TCVN 2694 ASTM D130	Loại 1
5	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi), mg/100ml.	TCVN 6593 ASTM D381	≤ 5
6	Độ ổn định oxy hóa, phút	TCVN 6778 ASTM D525	≥ 480
7	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 7760 ASTM D5453	≤ 500
8	Áp suất hơi (Reid) ở 37 °C kPa	TCVN 7023 ASTM D5191	43÷80
9	Hàm lượng Benzen, % thể tích	TCVN 6703 ASTM D3606	≤ 2,5
10	Ngoại quan	TCVN 7759 ASTM D4176	Trong suốt, không có nước tự do và tạp chất
11	Khối lượng riêng ở 15 °C, kg/m ³	TCVN 6594 ASTM D1298	Báo cáo
12	Hàm lượng kim loại (Fe,Mn), mg/L	TCVN 7331 ASTM D3831	≤ 5
12	Hydrocacbon thơm, % thể tích	TCVN 7330 ASTM D1319	≤ 40
14	Hàm lượng olefin, % thể tích	TCVN 7330 ASTM D1319	≤ 38
15	Hàm lượng oxy, % khối lượng	TCVN 7332 ASTM D4815	≤ 3,7
16	Hợp chất oxygenat, % TT - metanol - etanol - iso – propyl ancol - iso – butyl ancol - tert – butyl ancol - ete (nguyên tử C ≥ 5) - Riêng MTBE	TCVN 7332 ASTM D 4815	KPH ≤ 4÷5 ≤ 10,0 ≤ 10,0 ≤ 7,0 ≤ 15,0 ≤ 10,0 KPH

- Keton		
---------	--	--

- Đối với dầu Diesel 0,05S đạt theo TCVN 5689: 2024

TT	TÊN CHỈ TIÊU	Phương pháp thử	Mức/ Yêu cầu
1	Chỉ số xêtan	TCVN 3180; ASTM D4737	≥46
2	Hàm lượng lưu huỳnh, mg/kg	TCVN 6701 ; ASTM D5453	≤500
3	Nhiệt độ chung cất, °C, ở 90% thể tích	TCVN2698; ASTM D86	≤ 360
4	Điểm chớp cháy cốc kín, °C	TCVN6608; ASTM D93	≥ 55
5	Độ nhớt động học ở 40 °C, mm ² /s	TCVN3171; ASTM D445	2,0÷4,5
6	Cặn Cacbon của 10% cặn chung cất, %KL	TCVN6324 ASTM D4530	≤0,3
7	Nhiệt độ đông đặc, °C	TCVN3753 ASTM D97	≤+6
8	Hàm lượng tro, %KL	TCVN2690 ASTM D482	≤0,01
9	Hàm lượng nước, mg/kg	ASTM E203	≤200
10	Ăn mòn mảnh đồng ở 50 °C trong 3h	TCVN2694 ASTM D130	Loại 1
11	Khối lượng riêng ở 15 °C , kg/m ³	TCVN6594 ASTM D1298	820-860
12	Tạp chất dạng hạt, mg/l	ASTM D 2276	≤10
13	Độ bôi trơn, μm	ASTM D6079	≤460
14	Ngoại quan	ASTM D4176	Sạch, trong

- Tất cả sản phẩm cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo tính pháp lý, không chấp nhận nhập lậu, kém chất lượng.

- Tất cả các yêu cầu và chỉ tiêu kỹ thuật của hàng hóa là yêu cầu tối thiểu. Khuyến khích việc nhà thầu chào thầu với chỉ tiêu kỹ thuật cao hơn nhưng không làm tăng giá gói thầu.

- Nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì hoặc cung cấp dịch vụ sau bán hàng khác (nêu rõ địa chỉ, số điện thoại...) theo các yêu cầu như sau:

- Hàng hóa sản xuất năm 2025;
- Bảo hành: ≥ 12 tháng bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (đổi trong suốt thời gian bảo hành)

+ Thời gian khắc phục sự cố kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư là sau 1 ngày;

- Đảm bảo an toàn lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện;

- Trong quá trình chào thầu nhà thầu phải ghi rõ ràng về chi tiết kỹ mã hiệu, chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ. Trường hợp nhà thầu không ghi rõ về chi tiết kỹ mã hiệu, nguồn gốc, xuất xứ sẽ đánh giá không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

- Nhà thầu có thể đề xuất thêm các thông số, tính năng của sản phẩm để đảm bảo chất lượng tốt hơn.

- Hàng hoá được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật như tại bảng yêu cầu cung cấp hàng hoá.

- Nhà thầu có thể liên hệ bên mời thầu để cung cấp hình ảnh mẫu để cung cấp đúng mẫu mã chủng loại và tính toán chi phí phù hợp.

- Phương án kỹ thuật thực hiện công tác bảo trì, thay thế hàng hóa không đạt yêu cầu: Chậm nhất sau 1 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của Bên mời thầu hoặc đơn vị sử dụng, Nhà thầu phải cử cán bộ đến thực hiện các nghĩa vụ bảo trì, thay thế hàng hóa không đạt yêu cầu.

- Các nhân sự tiến hành công việc của nhà thầu phải tuyệt đối chấp hành nghiêm các quy định về quốc phòng và an ninh của Bên mời thầu.

- Tất cả các mặt hàng được cung cấp tại địa chỉ yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. Bên mời thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu theo giá trị hàng hóa sau khi nhận đủ hàng hóa, lắp đặt chạy thử.

- Hồ sơ thanh toán gồm: Hợp đồng, Biên bản bàn giao và các chứng từ thanh quyết toán khác theo quy định

- Nhà thầu được thanh toán toàn bộ giá hợp đồng khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng. Trường hợp khối lượng công việc thực hiện ít hơn khối lượng theo hợp đồng thì hai bên phải ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng, trong đó nêu rõ giá hợp đồng mới tương ứng với khối lượng công việc thực tế.

Mục 2: Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

Mục 3: Kiểm tra và nghiệm thu

3.1. Kiểm tra hàng hóa

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Cách thức tiến hành kiểm tra, nghiệm thu: Bên bán phải tuân thủ và đáp ứng yêu cầu các cơ quan chức năng của Tiêu đoàn 2, Bên mua tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa theo đúng quy định của Bộ Quốc phòng;

Kiểm tra các giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa: CO, CQ đối với thiết bị trong bảng phạm vi cung cấp của hàng hóa;

Khi giao nhận hàng hóa, nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Chủ đầu tư, hai bên cùng kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất và quy cách của hàng hóa, hai bên sẽ lập Biên bản bàn giao, nghiệm thu sơ bộ hàng hóa (nếu hàng hóa đạt yêu cầu kiểm tra);

Bên mời thầu hoặc đại diện của Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm tất cả hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hồ sơ mời thầu thì Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật (trong vòng 24h) kể từ khi hai bên lập biên bản hiện trường nhưng không được quá ngày hết hạn thực hiện hợp đồng. Sau khi khắc phục toàn bộ những tồn tại của hàng hóa mà lô hàng vẫn không đáp ứng quy định của hợp đồng, chủ đầu tư có quyền từ chối nhận lô hàng đó và chấm dứt hợp đồng. Mọi chi phí phát sinh từ việc tiếp nhận hàng hóa hoặc chậm tiếp nhận gây ra nhà thầu bị phạt theo quy định tại điều khoản phạt của hợp đồng.

Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên mời thầu không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

3.2. Nghiệm thu

Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất và quy cách hàng hóa chứng tỏ là phù hợp với hợp đồng, đại diện có thẩm quyền của hai bên lập và ký Biên bản bàn giao nghiệm thu sơ bộ hàng hóa.

100% hàng hóa thuộc gói thầu phải được kiểm tra, giám định, nghiệm thu của các cơ quan chức năng của chủ đầu tư theo quyết định phê duyệt KHLCNT. Nếu kết quả kiểm tra, giám định hàng hóa chứng tỏ rằng chất lượng hàng hóa không đáp ứng như quy định của Hợp đồng và E-HSDT, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng và mọi chi phí phát sinh bên nhà thầu phải chịu.

